

**M TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 88/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 05 - 2018

(Về việc xin ly hôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Hương

Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyễn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 361/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân & gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Mỹ D, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã H, Tp. C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lâm Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp A, xã T, Tp.C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị D trình bày chị và anh Lâm Nguyễn Hoàng H kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C. Quá trình chung sống vợ chồng do bất đồng quan điểm sống nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể dung hoà được, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Hiện cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Ý kiến của anh H tại biên bản ngày 03/5/2018 trình bày: Về thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn đúng như chị D trình bày. Về mâu thuẫn, anh xác định quá trình chung sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn và chị D tự bỏ nhà đi từ năm 2017 đến nay và anh đồng ý ly hôn với chị D.

- Về con chung: Chị D và anh H xác định có 01 con chung tên Lâm Nguyễn K, sinh ngày 13/01/2014 hiện đang sống với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của anh H: Anh xác định có 01 con chung tên Lâm Nguyễn K, sinh ngày 13/01/2014 hiện đang sống với chị D. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cháu K cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị D xác định không có.

Ý kiến của anh H: anh xác định có 08 chỉ vàng 24k do cha mẹ cho ngày cưới, anh đồng ý để cho chị D sử dụng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D và anh H xác định không có.

Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và quyết định xét xử hợp lệ cho các đương sự, anh H xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H được quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Trần Mỹ D về việc xin ly hôn với anh Lâm Nguyễn Hoàng H thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; anh H là bị đơn có địa chỉ và chỗ ở hiện nay tại Ấp A, xã T, Tp. C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị D và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C và được cấp giấy chứng nhận vào năm 2013. Xét về mâu thuẫn: Chị D xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể dung hoà, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đã ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Đối với anh H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, chị D đã tự bỏ nhà đi từ năm 2017 đến nay và anh đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng có hay không nhưng trên thực tế cả hai đã không còn sống chung với nhau nhiều năm (mặt dù lời khai không hợp nhau) và chị D xác định không còn hạnh phúc và Tòa án đã triệu tập các đương sự đến hòa giải, xét xử nhưng anh H xin vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh không mong muốn hàn gắn đoàn tụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh H.

Về con chung: Chị D và anh H xác định có 01 con chung tên Lâm Nguyễn K, sinh ngày 13/01/2014 và hiện đang sống với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và anh H đồng ý giao cháu K cho chị D tiếp tục nuôi, cả hai không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các đương sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, đối với việc cấp dưỡng do các đương sự không đặt ra nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị D xác định không có. Anh H xác định có 08 chỉ vàng 24k do cha mẹ cho ngày cưới và đồng ý để cho chị D sử dụng, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị D và anh H xác định không có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Mỹ D về việc xin ly hôn với anh Lâm Nguyễn Hoàng H.

Về con chung: Giao cháu Lâm Nguyễn K, sinh ngày 13/01/2014 (hiện đang sống với chị D) cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị D và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị D và anh H xác định không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình chị D nộp 300.000đ. Vào ngày 17 tháng 4 năm 2018, chị D đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0000665 được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.
Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Chi cục THA dân sự TPCM;
- **UBND xã Tắc Vân, TPCM.**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

Đã ký

Diệp Chí Nguyễn